| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẦN VĂN THỜI**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 113/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2023
"V/v tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Trần Văn Len
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Duyên Văn Hiền
Bà Nguyễn Kim Lên

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Trịnh Nga Muội - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 245/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/4/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2001 (xin vắng mặt)
- *Bị đơn:* Anh Võ Trung H, sinh năm 2001 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện ngày 03/4/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị và anh H chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng có một người con chung: Cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 30/7/2020, cháu T đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị xét thấy không còn tình cảm với anh H mối quan hệ hôn nhân không đạt được chị yêu cầu ly hôn với anh H.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện đi lại khó khăn chị đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng vắng mặt chị, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị tại các phiên tòa sơ thẩm.

*Bị đơn anh Võ Trung H trình bày:* Về hôn nhân và con như chị T trình bày là đúng.

*Nguyên nhân mâu thuẫn:* Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống thời gian kéo dài, chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về con chung*: Anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Tuyền. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

Do điều kiện đi lại khó khăn anh đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng vắng mặt anh, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh tại các phiên tòa sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: *Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Trung H, anh H có nơi cư trú tại huyện T, do đó xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự về việc *"Tranh chấp ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vắng mặt đương sự:* Chị Nguyễn Thị T, anh Võ Trung H có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Chị T và anh H chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân của anh chị không hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T và anh H xác định trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị T yêu cầu được ly hôn với anh H, anh H đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng chị T và anh H chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Võ Trung H.

[2.2] Xét về con chung, cấp dưỡng: Chị T và anh H có một người con chung cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 30/7/2020, hiện tại cháu T đang sống với chị T, chị Trịnh và anh H thỏa thuận tiếp tục giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 30/7/2020 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi, anh H không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

Cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản, nợ: Chị T, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Xét về án phí:* Chị T là người yêu cầu nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm

a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Võ Trung H.

Con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 30/7/2020 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi, anh H không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng. Ngày 03/4/2023 chị T đã dự nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 300.000 đồng theo biên lai số 0006474 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

3. Án sơ thẩm xét xử công khai: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát quyền kháng nghị theo quy định.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- VKSND H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**Trần Văn Len**